

Tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng

Đỗ Thị Kim Hoa¹

¹ Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: hoatuanphuc@gmail.com

Nhận ngày 23 tháng 9 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 10 năm 2019.

Tóm tắt: Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Trong đó, tư tưởng về công bằng của Người được thể hiện như một trong những mục tiêu, khát vọng của mỗi người dân trong sự nghiệp đấu tranh và xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Theo Hồ Chí Minh, công bằng là mục tiêu quan trọng của sự phát triển xã hội. Để thực hiện công bằng xã hội thì phải phân phối theo lao động, đồng thời, phải giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa chủ và thợ, giữa công và tư, phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội. Tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng phù hợp với nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước ở Việt Nam.

Từ khóa: Công bằng, Hồ Chí Minh, phân phối.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: Ho Chi Minh Thought is a comprehensive and profound system of views on the fundamental issues of the Vietnamese revolution. In particular, his idea of equity is expressed as one of the goals and aspirations of every citizen in the cause of struggle and building socialism in Vietnam. According to Ho Chi Minh, equity is an important goal of social development. To achieve social equity, it is a must to conduct distribution in line with labour, and, at the same time, to handle harmoniously the relationships of interests between employers and workers, between the public and the private, and to distribute via the systems of social security and welfare. Ho Chi Minh Thought on equity is in line with the state-regulated market economy in Vietnam.

Keywords: Equity, Ho Chi Minh, distribution.

Subject classification: Philosophy

1. Mở đầu

Từ buổi bình minh của văn minh nhân loại, các triết gia và học giả đã đề cập đến công

bằng. Công bằng chính là một trong những yếu tố quan trọng đảm bảo cho xã hội tiến bộ. Aristotle cho rằng, một nhà nước lý tưởng thì phải có công bằng. Theo ông, cả

chế độ dân chủ và chế độ quả đầu đều có những khiếm khuyết về công bằng. Ông viết: “Cả quả đầu và dân chủ đều cho rằng công bằng là bình đẳng về phương diện tham gia chính quyền, nhưng theo người dân chủ, đó là sự bình đẳng giữa những người đồng đẳng, chứ không phải bình đẳng cho tất cả mọi người. Trong chế độ quả đầu, sự bất bình đẳng về phương diện tham gia chính quyền, lại được xem là công bằng, nhưng đó là sự công bằng giữa những người không đồng đẳng. Cả hai phe đều không để ý đến một yếu tố quan trọng, đó là khi áp dụng nguyên tắc bình đẳng, họ vừa là đối tượng, vừa là người phán xét. Và người ta, khi dính dáng đến quyền lợi của chính mình, đều không thể nào phán xét cho công minh được”; “trong khái niệm về sự công bằng chứa đựng một mối quan hệ đến con người cũng như vật chất, và một sự phân phối công bằng” [1, tr.170]; “Những ai đóng góp nhiều nhất cho quốc gia phải được thưởng nhiều hơn những người bình đẳng hoặc tội hơn về gốc gác quý tộc hay tự do, hoặc bình đẳng hay tội hơn về tài sản nhưng đức hạnh chính trị kém hơn” [1, tr.174]. Nhiều triết gia khác sau này cũng mong muốn xây dựng một xã hội công bằng. Việc tìm kiếm con đường đạt tới mục tiêu công bằng xuất phát từ những bất công trong thực tiễn. Theo C.Mác, xã hội tư bản chủ nghĩa là bất công vì có tình trạng nhà tư bản bóc lột người lao động làm thuê để xóa bỏ bất công thì phải xóa bỏ chế độ tư hữu và phân phối theo lao động.

Hồ Chí Minh là một nhà tư tưởng lớn của Việt Nam. Trong tư tưởng của Người có tư tưởng về công bằng. Hồ Chí Minh mong muốn cho nước nhà được độc lập,

nhân dân được ấm no, hạnh phúc. Người phấn đấu không ngừng nghỉ để đem lại công bằng cho đất nước và cho nhân dân. Hồ Chí Minh đã kế thừa những tư tưởng về công bằng trong văn hóa Phương Tây và văn hóa Phương Đông, tạo nên tư tưởng về công bằng có giá trị to lớn cả về mặt lý luận và thực tiễn. Bài viết này phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của công bằng; về công bằng trong phân phối; về công bằng giữa “chủ và thợ”, giữa “công và tư”, giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể; về đối xử công bằng giữa nam và nữ.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của công bằng

Theo Hồ Chí Minh, thực hiện công bằng là mục tiêu quan trọng của sự phát triển xã hội. Mượn lời của cố nhân, Hồ Chí Minh bày tỏ quan điểm của mình trước Hội đồng Chính phủ cuối năm 1966 về công bằng như sau: “Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng; không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên” [4, t.15, tr.224]. “Quần chúng rất thông cảm với hoàn cảnh thiếu hàng, quần chúng chỉ phản nản việc phân phối không công bằng” [4, t.15, tr.681]. Nhẽ ra túng thiếu luôn làm cho người ta phải lo lắng, tuy nhiên, thiếu thốn không đáng sợ bằng không công bằng. Nếu không thực hiện được sự công bằng thì lòng dân sẽ không yên. Vì chớ thuyền cũng là dân mà lật thuyền cũng là dân, dân là gốc, nên dân không thuận thì xã hội cũng không phát triển. Câu nói trên không phải là chấp nhận sự nghèo đói và thiếu thốn, mà là khẳng định rằng, công bằng là mục tiêu và động

lực quan trọng của sự phát triển xã hội. Người dân có thể chấp nhận tình cảnh nghèo đói và thiếu thốn khi đất nước bị chiến tranh và thiên tai tàn phá, nhưng nếu phân phối không công bằng người dân sẽ không chấp nhận.

Công bằng bao gồm công bằng về kinh tế, công bằng về chính trị, công bằng về văn hóa - xã hội. Thực hiện công bằng về kinh tế có vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ xóa bỏ được hình thức đặc quyền, đặc lợi đối với cá nhân hay tập thể. Có công bằng về kinh tế thì mới xóa bỏ được sự phân biệt về địa vị xã hội, người dân được đối xử bình đẳng trước pháp luật. Có thực hiện công bằng về kinh tế thì mới tương quan giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ, giữa quyền lợi và trách nhiệm được giải quyết thỏa đáng, người dân mới thực sự được làm và được hưởng đúng những gì mà pháp luật không cấm. Có thực hiện công bằng về kinh tế thì mới có công bằng về chính trị và công bằng về văn hóa - xã hội. Dân chủ là công bằng về chính trị. Có công bằng về kinh tế thì dân chủ mới được thực hiện. Dân chủ và công bằng về kinh tế luôn song hành cùng nhau, bổ sung cho nhau cùng phát triển. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã rất chú trọng tới vấn đề công bằng về kinh tế (tức là công bằng trong phân phối). Thực hiện phân phối cho công bằng được Người coi là vấn đề nổi trội nhất trong việc đảm bảo công bằng.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng trong phân phối

Kế thừa quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về thực hiện công bằng trong phân phối, Hồ

Chí Minh chủ trương thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Người viết: nguyên tắc sinh hoạt là: “Ai không làm thì không được ăn” và “Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít” [4, t.8, tr.290]; nguyên tắc phân phối là: “Lao động nhiều, làm nhiều thì được phân phối nhiều, lao động ít, làm ít thì được phân phối ít, lao động khó, đòi hỏi trình độ cao thì được phân phối nhiều, lao động dễ, giản đơn thì được phân phối ít” [4, t.13, tr.216]; “Không nên có tình trạng người giỏi, người kém, việc khó, việc dễ, cũng công điểm như nhau. Đó là chủ nghĩa bình quân. Phải tránh chủ nghĩa bình quân” [4, t.13, tr.216]. Chủ nghĩa bình quân cũng là một sự bất công vì người làm nhiều và người làm ít đều hưởng thụ như nhau. Chủ nghĩa bình quân không khuyến khích người lao động làm việc cống hiến, vì lợi ích của họ không được đảm bảo và tôn trọng. Nếu những người trong khả năng lao động mà không chịu lao động và vẫn được hưởng thụ của cải vật chất của xã hội như những người lao động, thì điều đó sẽ tạo nên những phản ứng tiêu cực, tâm lý chán nản, nhụt chí phấn đấu ở những người có năng lực muốn cống hiến. Chủ nghĩa bình quân sinh ra bệnh ỷ lại, chây lười, tham lam, vor vét; làm cho lòng dân ly tán, gây ra mất đoàn kết, từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển xã hội.

Tư tưởng về công bằng của Hồ Chí Minh thể hiện rõ tính nhân văn, nhân đạo cao cả của một vị lãnh tụ vĩ đại. Vào năm 1958, có một cử tri Hà Nội hỏi Người rằng: “Phải chăng trong xã hội xã hội chủ nghĩa ai không lao động cũng có ăn? Lại có người nói rằng không lao động thì không được ăn, vậy những người già yếu sẽ thế nào?”. Người đáp: “Chủ nghĩa xã hội là công bằng hợp lý: làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít,

không làm thì không được hưởng. Những người già yếu hoặc tàn tật sẽ được Nhà nước giúp đỡ chăm nom” [4, t.11, tr.404]. Như vậy, trong phân phối công bằng, Hồ Chí Minh không quên đến chế độ phúc lợi xã hội. Mặc dù trong lý luận Người không nhắc gì đến, hay chưa nói một cách cụ thể về phân phối thông qua phúc lợi xã hội và an sinh xã hội nhưng trong chính sách thực hiện công bằng phải kết hợp phân phối theo lao động với phân phối qua phúc lợi xã hội và an sinh xã hội. Người viết: “Hết sức chăm lo đời sống nhân dân. Phải ra sức phát triển sản xuất và thực hành tiết kiệm, lại phải phân phối cho công bằng hợp lý, từng bước cải thiện việc ăn, mặc, ở, học, phục vụ sức khỏe và giải trí của nhân dân. Đặc biệt chú trọng các vùng bị chiến tranh tàn phá, các cháu mồ côi, các cụ già yếu và gia đình các liệt sĩ, thương binh, bộ đội, thanh niên xung phong” [4, t.15, tr.596].

Chính sách thực hiện công bằng thông qua phúc lợi xã hội và an sinh xã hội có sự ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển xã hội. Vì chính sách đó làm cho người dân tin vào một tương lai tốt đẹp để ra sức phấn đấu, học tập, lao động và cống hiến cho xã hội; tăng cường thêm tình yêu thương con người, yêu thương đồng loại, tăng cường tình đoàn kết keo sơn giữa thế hệ đi trước và thế hệ tiếp bước, giữa người chưa có cơ hội cống hiến cho xã hội với những người đã từng cống hiến hết mình kể cả xương máu cho đất nước, cho dân tộc.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng giữa “chủ và thợ”, giữa “công và tư”

Để thực hiện công bằng, Người rất quan tâm đảm bảo lợi ích hài hòa giữa người thợ

và người chủ trong hoạt động sản xuất. Hồ Chí Minh đã xác định: “Nhà tư bản không khỏi bóc lột. Nhưng Chính phủ ngăn cấm họ bóc lột công nhân quá tay. Chính phủ phải bảo vệ lợi quyền của công nhân. Đồng thời, vì lợi ích lâu dài, anh chị em thợ cũng để cho chủ được số lợi hợp lý, không yêu cầu quá mức. Chủ thợ đều tự giác tự động, tăng gia sản xuất lợi cả đôi bên” [4, t.8, tr.267]. Trong lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhà tư bản là kẻ bóc lột, còn thợ (người làm thuê cho nhà tư bản) là kẻ bị bóc lột. Vậy mà Hồ Chí Minh lại chủ trương chủ thợ đều lợi. Có phải Hồ Chí Minh đã không đi con đường chủ nghĩa xã hội khi có chủ trương như vậy? Có phải Hồ Chí Minh đang chấp nhận bóc lột? Hoàn toàn không phải. Thực chất đây là tư tưởng về công bằng trong điều kiện kinh tế thị trường. Nếu như nhà tư bản không được hưởng một số lợi hợp lý, hoặc người lao động làm thuê không được bảo vệ về quyền lợi, thì nền sản xuất không thể phát triển được. Hồ Chí Minh hiểu rằng, cái công bằng về lợi ích sẽ thúc đẩy cả chủ và thợ tích cực hăng say cống hiến xây dựng đất nước.

Trong mối quan hệ giữa nhà nước và tư nhân, Hồ Chí Minh cũng có một sự lý giải sâu sắc. Người chủ trương công tư đều lợi thì Nhà nước không thể tước đoạt những tư liệu sản xuất của nhà tư bản, không thể biến toàn bộ tài sản của nhà tư bản thành của chung của xã hội được. Vậy Hồ Chí Minh có phải là một người cộng sản chủ nghĩa? Một chiến sĩ cộng sản mẫu mực? Có ý kiến cho rằng, Hồ Chí Minh quá ưu ái những nhà tư bản dân tộc, xa rời quan điểm của chủ nghĩa Mác (quan điểm cho rằng tiến lên chủ nghĩa xã hội cần phải

quốc hữu hoá toàn bộ nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, tư liệu sản xuất không còn của riêng một ai, mà thuộc về toàn xã hội). Với chủ trương công tư đều có lợi, Hồ Chí Minh đã vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin cho phù hợp với tình hình cụ thể của Việt Nam.

Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng đất nước “tiến dần” lên chủ nghĩa xã hội thì “công tư đều lợi” là một chủ trương đúng đắn. Vì nếu xóa bỏ chế độ tư hữu ngay lập tức, thì lợi ích của nhà tư bản sẽ bị ảnh hưởng, điều này cũng sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế đất nước. Kinh tế muốn phát triển thì Nhà nước phải cho phép mọi người được tự do kinh doanh theo luật pháp. Hồ Chí Minh luôn đứng trên lập trường mácxít, lại thấu hiểu được hoàn cảnh của Việt Nam, mong mọi làm sao cho nước nhà được độc lập, nhân dân được tự do, đồng bào ai cũng có ăn có mặc, ai cũng được học hành. Người hiểu rằng, giải quyết tốt mâu thuẫn lợi ích giữa kinh tế quốc doanh và kinh tế tư nhân, tạo sự công bằng giữa công và tư thì kinh tế mới phát triển tốt. Người cho rằng: “Công tư đều lợi. Kinh tế quốc doanh là công. Nó là nền tảng và sức lãnh đạo của kinh tế dân chủ mới. Cho nên chúng ta phải ra sức phát triển nó và nhân dân ta phải ủng hộ nó. Đối với những người phá hoại nó, trộm cắp của công, khai gian lậu thuế thì phải trừng trị; Tư là những nhà tư bản dân tộc và kinh tế cá nhân của nông dân và thủ công nghệ. Đó cũng là lực lượng cần thiết cho cuộc xây dựng kinh tế nước nhà. Cho nên Chính phủ cần giúp họ phát triển. Nhưng họ phải phục tùng sự lãnh đạo của kinh tế quốc gia, phải hợp với lợi ích của đại đa số nhân dân” [4, t.8, tr.267].

Người hiểu rất rõ kinh tế tư bản tư nhân có thể dẫn đến tình trạng bóc lột, Người viết: “Kinh tế tư bản của tư nhân. Họ bóc lột công nhân nhưng đồng thời họ cũng góp phần vào xây dựng kinh tế” [4, t.8, tr.266]. Người làm kinh tế tư bản tư nhân thường có xu hướng bóc lột công nhân, người làm thuê chứ không phải người làm kinh tế tư bản tư nhân nào cũng bóc lột công nhân. Rõ ràng, Người nhận thấy sự đóng góp của họ cho sự phát triển kinh tế đất nước. Luận điểm này của Người là một sự vận dụng rất sáng tạo lý luận mácxít vào hoàn cảnh thực tiễn của Việt Nam. Hồ Chí Minh chủ trương đối xử công bằng với tất cả các thành phần kinh tế. Tất cả các thành phần kinh tế được tự do kinh doanh và hưởng lợi một cách công bằng. Đó cũng chính là một yếu tố dân chủ trong kinh tế để đảm bảo công bằng cho các thành phần kinh tế.

Sự đối xử bình đẳng giữa các chủ thể kinh tế còn được luật hóa trong Hiến pháp Việt Nam năm 1959. Trong bản sửa đổi Hiến pháp 1959, với tư cách là Trưởng ban sửa đổi Hiến pháp, Hồ Chí Minh cho rằng: “Trong nước ta hiện nay có những hình thức sở hữu chính về tư liệu sản xuất như sau: sở hữu của Nhà nước tức là của toàn dân. Sở hữu của hợp tác xã tức là sở hữu tập thể của nhân dân lao động. Sở hữu của người lao động riêng lẻ. Một ít tư liệu sản xuất thuộc sở hữu của nhà tư bản” [4, t.12, tr.372]. Luận điểm này cho thấy, Hồ Chí Minh không phủ nhận tự do kinh doanh. Sự thừa nhận thành phần kinh tế tư bản tư nhân bằng Hiến pháp cho thấy rằng, người dân không bị tước mất quyền tự do kinh doanh, tự do làm kinh tế, hoạt động kinh doanh của họ được pháp luật bảo vệ. Quyền sở hữu tư liệu

sản xuất được đảm bảo công bằng và được tôn trọng bằng Hiến pháp.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể

Lợi ích vật chất là yếu tố quan trọng nhất trong việc kích thích tính tích cực của con người (con người ở đây có thể là một người riêng lẻ, một tổ chức xã hội hay cả một cộng đồng dân tộc). Lợi ích cá nhân thì kích thích tính tích cực của cá nhân, lợi ích tập thể thì kích thích tính tích cực của tập thể. Mỗi cá nhân là một thành viên của tập thể, mọi hoạt động của cá nhân đóng góp vào sự tồn tại và phát triển của một tập thể. Ngược lại, những hoạt động của cá nhân cũng bị quy định bởi sự tồn tại và phát triển của tập thể ấy. Do vậy, để những hoạt động của cá nhân phù hợp với sự phát triển của tập thể thì lợi ích riêng cũng phải phù hợp với lợi ích của tập thể và ngược lại. Chính vì vậy, Người chủ trương: kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, giữa lợi ích chung và lợi ích riêng. Người luôn tôn trọng lợi ích cá nhân, coi đó là một yếu tố không thể thiếu trong việc động viên mỗi người không ngừng phấn đấu, cống hiến cho xã hội. Đồng thời, Người cũng đề cao lợi ích tập thể, lợi ích của toàn xã hội. Trong mối quan hệ này, Hồ Chí Minh nhận định: “Mỗi người là một bộ phận của tập thể, giữ một vị trí nhất định và đóng góp một phần công lao trong xã hội. Cho nên lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện để được thoả mãn” [4, t.11, tr.610].

Trong mối quan hệ giữa lợi ích riêng và lợi ích chung thì vai trò quyết định là ở lợi ích chung. Lợi ích của cá nhân luôn gắn liền với lợi ích của tập thể. Trong trường hợp lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích tập thể, đi ngược lại với lợi ích tập thể thì sớm muộn gì lợi ích riêng của cá nhân cũng phải phục tùng lợi ích chung của tập thể. Đây là một quy tắc dân chủ, thiểu số phải phục tùng đa số. Hơn nữa, nếu lợi ích cá nhân mà cứ cố tình đi ngược lại với lợi ích tập thể thì cá nhân đó sẽ bị rơi vào chủ nghĩa cá nhân, nó sẽ thành trở lực đối với sự phát triển của tập thể, của xã hội. Cá nhân ấy cũng bị loại ra khỏi tập thể ấy, cộng đồng ấy, xã hội ấy, mà sống thì không thể không có tập thể, cộng đồng, xã hội được. Khi tất cả phấn đấu cho mục tiêu chung của tập thể, của dân tộc, thì sẽ có lúc phải hy sinh một phần lợi ích riêng. Song về lâu dài, nếu lợi ích của tập thể, của dân tộc được đảm bảo thì lợi ích cá nhân cũng sẽ được quan tâm, củng cố. Vì thế, Người viết: “Mọi người nhận rõ lợi ích chung của dân tộc phát triển và củng cố thì lợi ích riêng của cá nhân mới có thể phát triển và củng cố. Cho nên lợi ích cá nhân ắt phải phục tùng lợi ích của dân tộc, chứ quyết không thể đặt lợi ích cá nhân trên lợi ích dân tộc. Đó là một tiến bộ” [4, t.8, tr.143].

Trong bài “Đạo đức cách mạng” viết năm 1958, Hồ Chí Minh đã phân tích một cách sâu sắc rằng, mỗi cá nhân trong tập thể, trong cộng đồng không thể sống, lao động, học tập và đấu tranh với thiên nhiên, với địch họa một cách đơn lẻ được. Từng cá nhân nhất định phải dựa vào lực lượng của tập thể, của xã hội, phải hoà mình vào trong tập thể, vào trong xã hội. Do đó, phải cương

quyết chống chủ nghĩa cá nhân. Hồ Chí Minh cho rằng: “Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là giày xéo lên lợi ích cá nhân. Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và của gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể thì không phải là xấu” [4, t.11, tr.610].

Nhận thấy vai trò to lớn của việc đảm bảo công bằng giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, Người đã rất chú trọng đến chế độ làm khoán. Chế độ khoán kích thích mạnh mẽ vào tính tích cực, hăng say làm việc của mỗi người. Cái làm cho lợi ích chung được đảm bảo mà lợi ích riêng cũng được quan tâm đúng mức, người lao động không bị thiệt thòi. Chế độ làm khoán là một sự kết hợp hài hoà giữa lợi ích chung và lợi ích riêng. Sau này, chế độ làm khoán không được quan tâm, nhưng Hồ Chí Minh cho rằng, chế độ khoán là cần thiết. Người nói: “Chế độ làm khoán là một điều kiện của chủ nghĩa xã hội, nó khuyến khích người công nhân luôn luôn tiến bộ, cho nhà máy tiến bộ. Làm khoán là ích chung và lại lợi riêng. Công nhân sản xuất nhiều vải, cố gắng nhiều, hưởng được nhiều; làm khoán tốt thích hợp và công bằng dưới chế độ ta hiện nay” [4, t.10, tr.537-538]. Trong khi thực hiện chế độ làm khoán, Người cũng lường trước được những nhược điểm của chế độ làm khoán hay nảy sinh, đó là việc chạy theo số lượng. Chính vì vậy, Người nhắc nhở rằng: “Làm khoán phải nâng cao số lượng, nhưng luôn luôn phải giữ chất lượng” [4, t.10, tr.538]. Làm khoán chính là một sự phân phối công bằng dựa trên kết quả lao động và hiệu quả kinh tế. Thực hiện chế độ làm khoán là một sự đảm bảo công

bằng khá chặt chẽ, thu hút được nhiều sức lực đóng góp của người dân. Đây là một tư tưởng đặc sắc của Hồ Chí Minh về công bằng.

Để đảm bảo công bằng được thực thi một cách hiệu quả, nhất thiết phải chú ý đến việc tham gia góp ý kiến của nhân dân, phải công khai thu chi tài chính và đặc biệt phải có sự kiểm soát của nhân dân tránh các bệnh. Người viết: “Muốn quản lý tốt hợp tác xã, cán bộ quản trị phải dân chủ, tránh quan liêu mệnh lệnh, làm việc gì cũng cần bàn bạc kỹ với xã viên. Làm việc theo lối mệnh lệnh, quan liêu, không dân chủ thì chắc chắn thất bại” [4, t.12, tr.317]; “Làm cho mọi người thật thấm nhuần tinh thần làm chủ tập thể, cùng nhau bàn bạc cách làm ăn, thực hiện quản lý dân chủ và tài chính công khai, chống tham ô, lãng phí” [4, t.14, tr.107].

6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đối xử công bằng giữa nam và nữ

Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình có truyền thống Nho giáo. Vậy, đúng ra, Người sẽ chấp nhận sự cam chịu của người phụ nữ trong gia đình. Nhưng không, với những năm tháng bôn ba tìm đường cứu nước, Người được tiếp xúc với nền văn hóa phương Tây (nam nữ bình quyền, bình đẳng), Hồ Chí Minh đã thực sự muốn loại bỏ những hủ tục lạc hậu đang đè nặng lên đôi vai người phụ nữ Việt Nam. Người thực sự mong muốn sự công bằng và bình đẳng giữa nam và nữ, đặc biệt là giữa người chồng và người vợ trong gia đình. Phụ nữ phải được tôn trọng và có quyền như đàn

ông. Người viết: “Phải kính trọng phụ nữ. Chúng ta làm cách mạng là để tranh lấy bình quyền bình đẳng, trai gái đều ngang quyền như nhau... Nếu phụ nữ chưa được giải phóng thì xã hội chưa được giải phóng cả. Phụ nữ thì phải tự mình phấn đấu giữ gìn quyền bình đẳng với đàn ông. Đàn ông phải kính trọng phụ nữ. Nhưng Bác nghe nói vẫn có người đánh chửi vợ! Đó là một điều đáng xấu hổ... Như thế là phạm pháp, là cực kỳ dã man” [4, t.15, tr.260].

Hồ Chí Minh nhận thấy, một sự thật đau lòng là người chồng trong gia đình Việt Nam vẫn mang nặng tư duy tiểu tư sản, tư duy gia trưởng phong kiến mà không cập tiến. Họ tự cho mình cái quyền phán xét người vợ. Không chỉ có thế, người phụ nữ Việt Nam một lòng một dạ thương chồng thương con, đó là một đức tính tốt. Tuy nhiên, đôi khi người phụ nữ lại phục tùng người chồng một cách mù quáng mà không chịu đấu tranh, cả xã hội cũng có cái nhìn lệch lạc về việc đối xử bất công đối với người phụ nữ. Do vậy, Hồ Chí Minh không chỉ đề cập đến việc phụ nữ phải được đối xử công bằng với đàn ông, Người đã viết nhiều bài viết trên Báo *Nhân dân* nhằm kêu gọi nhân dân bảo vệ quyền của người phụ nữ, tránh cho phụ nữ bị đối xử bất công và pháp luật phải bảo vệ quyền của người phụ nữ. Người viết: “Những cử chỉ tàn nhẫn, dã man như vậy vừa là sự vi phạm pháp luật của nhà nước, vừa trái với tình nghĩa vợ chồng” [4, t.12, tr.706]; rằng, “Điều đáng trách nữa là, trước những hành động xấu xa và phạm pháp đó, chỉ bộ, chính quyền và nhân dân địa phương thường nhắm mắt làm ngơ!” [4, t.13, tr.524]. Để có thể chấn chỉnh và thay đổi được quan niệm cũng như khắc

phục được tình trạng đó, Hồ Chí Minh chỉ đạo các cấp chính quyền và đoàn thể phải thực hiện một số công việc rất cụ thể như: “Ra sức tuyên truyền Luật Hôn nhân và Gia đình sâu rộng hơn nữa và phải chấp hành thật nghiêm chỉnh. Những thói dã man đánh vợ và ép con con phải chấm dứt. Lợi quyền của phụ nữ cần được thật sự bảo đảm. Bản thân phụ nữ thì phải đấu tranh tự cường tự lập để giữ lấy lợi quyền của mình” [4, t.13, tr.524]. Có thể nói, tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng là những tư tưởng có giá trị. Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, chúng ta lại càng thấy giá trị to lớn của tư tưởng đó.

7. Kết luận

Tóm lại, trong tiến trình hội nhập quốc tế và phát triển xã hội nhanh, mạnh như hiện nay, nhận thức của con người càng ngày càng được mở rộng, khát vọng về một xã hội công bằng, bình đẳng sẽ càng được quan tâm hơn, nhu cầu được đối xử công bằng tăng lên rất nhiều so với trước đây. Những giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng, dân chủ trong quan hệ và chuẩn mực kinh tế, thừa nhận sự tồn tại của các thành phần kinh tế và quyền sở hữu hàng hóa tương ứng, nhấn mạnh sự cần thiết phải phân phối công bằng, bình đẳng giữa các đối tượng hoạt động kinh tế, công khai tài chính, giám sát và minh bạch trong quản lý kinh tế, chống tham nhũng, tham ô, lãng phí, đảm bảo công bằng giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa lợi ích và trách nhiệm, giữa nam và nữ... sẽ đáp ứng được phần nào những nhu cầu về công bằng của người dân

Việt Nam. Ngay từ những năm đầu đổi mới, trong con mắt của một số nhà quan sát nước ngoài, họ đã nhận thấy, tình cảm và sự kính trọng của người dân Việt Nam dành cho Hồ Chí Minh khác hẳn với các lãnh tụ cộng sản ở các nước xã hội chủ nghĩa khác. Họ nhận xét: “Sức mạnh của ông ta không dựa trên nỗi sợ hãi như Joseph Stalin, và ông ta không bao giờ bị đối xử trớ trêu như Leonid Brezhnev. Tôi nghĩ ở đây có sự tôn trọng thực sự đối với Hồ Chí Minh. Họ đang cố gắng tìm kiếm trong các tác phẩm của ông một cái gì đó tương ứng với các chính sách cải cách hiện tại” [6]. Những di sản mà Hồ Chí Minh để lại luôn có tác dụng cho công cuộc đổi mới của Việt Nam hơn 30 năm qua. Về mặt thực hiện dân chủ và công bằng xã hội, Việt Nam cần áp dụng tư tưởng ấy một cách tốt hơn nữa. Để thực hiện công bằng xã hội được tốt hơn, hiệu quả hơn, ngoài việc nỗ lực của Đảng và Nhà nước tăng cường củng cố bằng Hiến pháp và pháp luật, thì mỗi người dân cũng cần phải phát huy tinh thần trách nhiệm của

mình đối với đất nước, để có được một xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tài liệu tham khảo

- [1] Aristotle (2013), *Chính trị luận*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Minh Hoàn (2004), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về công bằng và bình đẳng xã hội”, Tạp chí *Triết học*, số 10.
- [3] C. Mác, Ph. Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [4] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, t.8,11,12,15 Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Lê Hữu Tăng (2008), “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn xung quanh việc thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Triết học*, số 1.
- [6] https://www.washingtonpost.com/archive/politics/1990/05/09/ho-chi-minh-still-a-hero-in-vietnam/9180bc11-e5a0-411a-9f06-ce663c011987/?utm_term=.67499a5795f2